

Số: 2764 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 29 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2030
của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh; Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 892/TTr-SNNMT ngày 23/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của UBND tỉnh Gia Lai về Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, Điều 1 như sau:

“Địa chỉ: Thôn 13, xã Kbang, tỉnh Gia Lai”.

2. Bổ sung sau tiết 7.5.1 (Kế hoạch phát triển rừng phòng hộ) điểm 7.5 khoản 7 Điều 1 như sau:

“ Trồng mới (bổ sung)

- Diện tích: 10 ha.

- Thời gian: 2026 – 2030.

- Dự kiến kinh phí: 2.060 triệu đồng.

- Nguồn vốn: Vốn hợp pháp khác”.

3. Bổ sung mục d sau mục c tiết 7.5.2 (Kế hoạch phát triển rừng sản xuất) điểm 7.5 khoản 7 Điều 1 như sau:

“d. Trồng mới và trồng lại rừng sau khai thác

- Diện tích: 100 ha.

- Thời gian: 2026 - 2030.

- Dự kiến kinh phí: 16.400 triệu đồng.

- Nguồn vốn: Vốn hợp pháp khác”.

4. Bổ sung mục 2 sau mục 1 Mục I điểm 7.6 khoản 7 Điều 1 như sau:

“2. Xây mới 01 trạm bảo vệ rừng

- Thời gian: 2026 – 2027.

- Dự kiến kinh phí: 500 triệu đồng.

- Nguồn vốn: Vốn hợp pháp khác”.

5. Bổ sung mục 4 sau mục 3 Mục II điểm 7.6 khoản 7 Điều 1 như sau:

“4. Flycam:

- Số lượng: 03 cái.

- Thời gian: 2026, 2027, 2028.

- Dự kiến kinh phí: 450 triệu đồng.

- Nguồn vốn: Vốn hợp pháp khác.

6. Bổ sung Mục III sau Mục II điểm 7.6 khoản 7 Điều 1 như sau:

“III. Xây dựng vườn ươm giống cây trồng lâm nghiệp

- Tổng diện tích: 1,5 ha.

- Thời gian: 2026 - 2027.

- Dự kiến kinh phí: 783 triệu đồng.

- *Nguồn vốn: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku*”.

7. Điều chỉnh khoản 8 Điều 1 như sau:

“8. Nhu cầu vốn và nguồn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư dự kiến là : **273.338,934** triệu đồng.

(*Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn đồng*)

Bảng: Tổng hợp vốn đầu tư theo hạng mục

ĐVT: Triệu đồng

STT	Hạng mục	Tổng kinh phí	Theo nguồn			
			Dịch vụ môi trường rừng	Ngân sách TW (sự nghiệp-hỗ trợ khoán ND 75, QĐ 38)	Vốn điều lệ	Hợp pháp khác
1	Khoán QLBV rừng	4.209,242	4.140,000	69,242		
2	Trồng rừng	70.162,143			22.403,573	47.758,570
3	Chăm sóc rừng đã trồng	187.475,489			17.567,299	169.908,190
4	Trồng mới, chăm sóc rừng phòng hộ	5.953,067				5.953,067
5	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên (không trồng bổ sung) RSX	56,293	56,293			
6	Xây dựng mới trạm bảo vệ rừng	1.000,000				1.000,000
7	Hoạt động tuyên truyền.	266,500	266,500			
8	Trang thiết bị, dụng cụ, vật tư phục vụ công tác quản lý BVR, PCCCR	789,200	339,200			450,000
9	Công trình PCCCR	430,000	430,000			
10	Bồi dưỡng ngoài giờ, thông tin liên lạc (phục vụ BVR, PCCCR)	204,000	204,000			
11	Nhiên liệu phục vụ kiểm tra, tuần tra, đôn đốc, hướng dẫn, ... công tác BVR, PCCCR	200,000	200,000			
12	Xây dựng phương án PCCCR hàng năm	50,000	50,000			
13	Mua sắm thiết bị	1.760,000				1.760,000
14	Xây dựng vườn ươm	783,000				783,000
	Tổng	273.338,934	5.685,993	69,242	39.970,872	227.612,827

*** Phân theo các nguồn vốn và giai đoạn thực hiện như sau:**

Bảng: Tổng vốn đầu tư phân theo nguồn vốn và giai đoạn thực hiện

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Tổng kinh phí	Giai đoạn 2021-2030	
			2021-2025	2026-2030
I	Ngân sách trung ương	69,242	69,242	
1	Vốn sự nghiệp	69,242	69,242	
II	Dịch vụ môi trường rừng	5.685,993	2.867,051	2.818,942
III	Vốn điều lệ	39.970,872	14.451,130	25.519,742
IV	Hợp pháp khác	227.612,827	22.380,308	205.232,519
Tổng cộng		273.338,934	39.767,731	233.571,203

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 như sau:

- Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”.

- Thay thế cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Sở Tài chính”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 2 như sau:

“4. UBND các xã Kbang, Krong, Sơn Lang:

Phối hợp chặt chẽ với chủ rừng và các sở, ngành có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt”.

(Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

(Có Phương án điều chỉnh kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XV; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chủ tịch UBND các xã: Kbang, Krong, Sơn Lang; Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, PCT: D.M.Tiếp;
- PCVP UBND tỉnh (NN);
- Lưu: VT, N5, N1.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Mah Tiệp